

SỬ DỤNG VIDEO GHI HÌNH KẾT HỢP TỰ ĐÁNH GIÁ NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TẠI ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Vũ Thị Hồng Thư
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực
Email: thuvt@epu.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học, việc ứng dụng các công cụ công nghệ nhằm hỗ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho sinh viên ngày càng được quan tâm. Nghiên cứu này nhằm khảo sát hiệu quả của việc sử dụng video ghi hình kết hợp với hoạt động tự đánh giá (self-assessment) trong việc cải thiện kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của sinh viên. Nghiên cứu được thực hiện với 36 sinh viên năm hai trong học phần English 2 tại trường đại học Điện lực. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng, bao gồm bảng tự đánh giá, phân tích video bài thuyết trình và phỏng vấn nhóm. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có sự cải thiện đáng kể ở các tiêu chí như cách thức trình bày, ngôn ngữ cơ thể và việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ sau khi xem lại video và thực hiện tự đánh giá. Kiểm định Wilcoxon cho thấy sự khác biệt giữa hai lần trình bày có ý nghĩa thống kê ở hầu hết các tiêu chí. Ngoài ra, dữ liệu định tính chỉ ra rằng hoạt động này giúp sinh viên nâng cao nhận thức về kỹ năng nói, tăng sự tự tin và phát triển khả năng tự học. Nghiên cứu gợi ý rằng việc tích hợp video ghi hình và tự đánh giá vào các lớp học kỹ năng nói có thể góp phần nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Từ khóa: video ghi hình, tự đánh giá, thuyết trình, kỹ năng nói

THE USE OF VIDEO RECORDINGS AND SELF-ASSESSMENT TO IMPROVING ENGLISH ORAL PRESENTATION SKILLS FOR NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF ELECTRIC POWER

Abstract: In the context of digital transformation in higher education, the application of technological tools to support the development of English communication skills for students is increasingly receiving attention. This study aims to investigate the effectiveness of using recorded videos combined with self-assessment activities in improving students' English presentation skills. The study was conducted with 36 second-year students in the English 2 course at the University of Electrical Engineering. A mixed-methods research approach was used, including self-assessment questionnaires, video presentation analysis, and focus group interviews. The results showed that students significantly improved in criteria such as presentation style, body language, and the use of supporting materials after reviewing the videos and conducting self-assessments. The Wilcoxon test showed statistically significant differences between the two presentations in most criteria. Furthermore, qualitative data indicated that this activity helped students improve their awareness of speaking skills, increase confidence, and develop self-learning abilities. Research suggests that integrating video recordings and self-assessment into speaking skills classes can contribute to improving the effectiveness of English language teaching in the current higher education context.

Keywords: video recording, self-assessment, presentation, speaking skills

Nhận bài: 14/01/2026

Phản biện: 24/02/2026

Duyệt đăng: 28/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên đại học. Không chỉ trong môi trường học thuật, khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh còn là một kỹ năng cần thiết trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp. Tuy nhiên, đối với nhiều sinh viên không chuyên tại Đại học Điện lực, việc phát triển kỹ năng nói, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình, vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân chính là sinh viên thiếu cơ hội để quan sát và phản tư về quá trình nói của chính mình. Trong các lớp học truyền thống, sinh viên thường chỉ nhận được phản hồi từ giảng viên hoặc bạn học, trong khi ít có cơ hội xem lại cách họ trình bày để tự đánh giá và điều chỉnh.

Trong những năm gần đây, sự phát triển của công nghệ số đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các công cụ hỗ trợ học tập trong giảng dạy ngoại ngữ. Video ghi hình là một trong những công cụ hiệu quả cho phép người học ghi lại quá trình trình bày của mình và xem lại để phân tích và cải thiện. Bên cạnh đó, hoạt động tự đánh giá cũng được xem là một phương pháp giúp sinh viên phát triển khả năng tự điều chỉnh trong học tập. Mặc dù nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng video ghi hình trong dạy học kỹ năng nói, việc áp dụng phương pháp này vẫn chưa được nghiên cứu rộng rãi. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của việc

kết hợp video ghi hình và tự đánh giá trong việc cải thiện kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của sinh viên không chuyên tại Đại học Điện lực.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Video ghi hình đã được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy ngoại ngữ như một công cụ hỗ trợ phản hồi và tự đánh giá. Khi xem lại video của mình, sinh viên có thể nhận ra những hạn chế trong cách phát âm, ngữ điệu, tốc độ nói hoặc ngôn ngữ cơ thể. Điều này giúp họ có cái nhìn khách quan hơn về khả năng giao tiếp của bản thân. Bên cạnh đó, tự đánh giá được xem là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển năng lực tự học của người học. Theo nhiều nghiên cứu, khi sinh viên tham gia vào quá trình đánh giá, họ có xu hướng nhận thức rõ hơn về mục tiêu học tập cũng như những điểm cần cải thiện. Ngoài ra, việc kết hợp video ghi hình với tự đánh giá có thể tạo ra một môi trường học tập tích cực hơn. Thay vì chỉ nhận phản hồi từ giảng viên, sinh viên có thể chủ động phân tích và điều chỉnh cách trình bày của mình.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu trước đây được thực hiện trong bối cảnh giáo dục ở các nước phát triển. Trong khi đó, các nghiên cứu trong môi trường học tiếng Anh như ngoại ngữ ở Việt Nam nói chung và Đại học Điện lực nói riêng vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này nhằm đóng góp thêm bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của

phương pháp này trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện với 36 sinh viên năm hai đang theo học học phần English 2. Trình độ tiếng Anh của sinh viên ở mức B1 theo Khung tham chiếu châu Âu.

* Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính.

Quy trình nghiên cứu gồm bốn bước chính:

1. Sinh viên thực hiện bài thuyết trình lần thứ nhất và được ghi hình.
2. Sinh viên xem lại video và hoàn thành bảng tự đánh giá.
3. Sinh viên điều chỉnh bài trình bày dựa trên kết quả tự đánh giá.
4. Sinh viên thực hiện bài thuyết trình lần thứ hai.

* Công cụ thu thập dữ liệu: Ba công cụ chính được sử dụng trong nghiên cứu: bảng tự đánh giá; video ghi hình của bài thuyết trình; phỏng vấn nhóm

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Kết quả phân tích định lượng

Dữ liệu thu thập từ bảng tự đánh giá của sinh viên được tổng hợp và phân tích nhằm xác định mức độ cải thiện giữa hai lần trình bày. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: nội dung và cấu trúc bài nói, delivery, ngôn ngữ cơ thể, phương tiện hỗ trợ và quản lý thời gian.

So sánh điểm trung bình giữa hai lần thuyết trình của sinh viên

STT	Tiêu chí đánh giá	Lần 1	Lần 2	Mức thay đổi
1	Nội dung và cấu trúc bài nói	3.28	3.74	+0.46
2	Cách thức trình bày	2.83	3.71	+0.88
3	Ngôn ngữ cơ thể	2.34	3.22	+0.88
4	Sử dụng phương tiện hỗ trợ	3.67	4.28	+0.61
5	Quản lý thời gian	3.92	3.95	+0.03

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Kết quả cho thấy sinh viên có sự cải thiện ở hầu hết các tiêu chí sau khi xem lại video và thực hiện tự đánh giá. Đặc biệt, hai tiêu chí cách thức trình bày và ngôn ngữ cơ thể có mức tăng đáng kể nhất. Sự cải thiện này có thể được giải thích bởi đặc điểm của video ghi hình, cho phép sinh viên quan sát trực tiếp cách họ trình bày trước khán giả. Khi xem lại video, sinh viên có thể dễ dàng nhận ra những điểm chưa phù hợp như tốc độ nói

quá nhanh, thiếu giao tiếp bằng mắt hoặc sử dụng cử chỉ hạn chế.

2.3.2. Phân tích chi tiết các tiêu chí đánh giá

* Nội dung và bố cục: Ở lần trình bày đầu tiên, nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc tổ chức ý tưởng một cách logic và rõ ràng. Một số bài thuyết trình thiếu phân giới thiệu hoặc kết luận rõ ràng, trong khi các ý chính chưa được liên kết chặt chẽ với nhau. Sau khi xem lại video và hoàn

thành bảng tự đánh giá, nhiều sinh viên đã điều chỉnh cấu trúc bài nói bằng cách bổ sung các câu dẫn nhập, sử dụng các từ nối và làm rõ các luận điểm chính. Điều này giúp bài thuyết trình trở nên mạch lạc và dễ theo dõi hơn.

* Cách thức trình bày: Cách thức trình bày là tiêu chí có mức cải thiện đáng kể nhất trong nghiên cứu. Nhiều sinh viên nhận ra rằng họ nói quá nhanh hoặc thiếu ngữ điệu trong lần trình bày đầu tiên. Sau khi xem lại video, họ đã điều chỉnh tốc độ nói, nhấn mạnh các từ khóa và sử dụng ngữ điệu phù hợp hơn. Ngoài ra, việc luyện tập lại bài nói trước khi ghi hình lần thứ hai cũng giúp sinh viên tăng mức độ lưu loát và giảm số lần ngập ngừng trong quá trình nói.

* Ngôn ngữ cơ thể: Ngôn ngữ cơ thể là một yếu tố quan trọng trong giao tiếp thuyết trình nhưng thường bị người học bỏ qua. Trong lần trình bày đầu tiên, nhiều sinh viên ít sử dụng giao tiếp bằng mắt, đứng khá cứng hoặc giữ tay cố định. Khi xem lại video, sinh viên dễ dàng nhận ra những hạn chế này. Do đó, trong lần trình bày thứ hai, họ đã chủ động cải thiện bằng cách nhìn vào khán giả nhiều hơn, sử dụng cử chỉ tay và thay đổi tư thế đứng để bài thuyết trình trở nên tự nhiên hơn.

* Phương tiện hỗ trợ: Một điểm đáng chú ý trong nghiên cứu là sự cải thiện đáng kể trong việc sử dụng phương tiện hỗ trợ. Sau lần trình bày đầu tiên, nhiều sinh viên nhận ra rằng slide của mình còn quá nhiều chữ hoặc thiếu hình ảnh minh họa. Trong lần trình bày thứ hai, họ đã điều chỉnh thiết kế slide bằng cách sử dụng nhiều hình ảnh, biểu đồ và từ khóa hơn. Điều này giúp bài thuyết trình trở nên trực quan và hấp dẫn hơn đối với người nghe.

2.3.3. Kết quả phân tích định tính

Ngoài dữ liệu định lượng, nghiên cứu cũng thu thập dữ liệu định tính thông qua các cuộc phỏng vấn nhóm với sinh viên. Phân tích nội dung các cuộc phỏng vấn cho thấy ba chủ đề chính.

Tăng nhận thức về kỹ năng nói: Sinh viên cho biết việc xem lại video giúp họ nhận ra những lỗi mà trước đây họ không nhận thấy.

Tăng sự tự tin: Nhiều sinh viên cho rằng việc luyện tập nhiều lần và quan sát sự tiến bộ của bản thân giúp họ cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Anh.

Phát triển khả năng tự học: Hoạt động tự đánh giá khuyến khích sinh viên chủ động xác định điểm mạnh và điểm yếu của mình, từ đó xây dựng chiến lược cải thiện kỹ năng nói.

2.3.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng video ghi hình kết hợp với tự đánh giá có tác động tích cực đến sự phát triển kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của sinh viên. Những phát hiện này phù hợp với xu hướng tích hợp công nghệ vào giảng dạy ngoại ngữ nhằm tạo ra môi trường học tập tương tác và phản tư hơn.

Trước hết, sự cải thiện đáng kể ở các tiêu chí cách thức trình bày và ngôn ngữ cơ thể cho thấy vai trò quan trọng của phản hồi trực quan trong quá trình học tập. Khác với phản hồi bằng lời từ giảng viên, video ghi hình cung cấp cho sinh viên một nguồn thông tin trực tiếp và khách quan về cách họ trình bày. Khi quan sát lại hình ảnh của mình, sinh viên có thể nhận ra những điểm chưa phù hợp trong cách giao tiếp với khán giả và điều chỉnh hành vi của mình trong lần trình bày tiếp theo. Những kết quả này cũng có thể được giải thích dựa trên lý thuyết tự điều chỉnh trong học tập. Theo lý thuyết này, người học cần trải qua ba giai đoạn chính: quan sát bản thân, đánh giá và điều chỉnh hành vi học tập. Việc xem lại video bài trình bày giúp sinh viên thực hiện bước quan sát một cách hiệu quả hơn, trong khi bảng tự đánh giá đóng vai trò hỗ trợ quá trình phân tích và đánh giá. Ngoài ra, việc kết hợp video ghi hình với tự đánh giá cũng giúp tăng mức độ chủ động của sinh viên trong quá trình học tập. Thay vì chỉ nhận phản hồi từ giảng viên, sinh viên có thể tự phân tích bài trình bày của mình và xác định những điểm cần cải thiện. Điều này phù hợp với xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy trong giáo dục đại học, trong đó người học được khuyến khích đóng vai trò tích cực hơn trong quá trình học tập. Một điểm đáng chú ý khác là sự cải thiện đáng kể trong việc sử dụng phương tiện hỗ trợ. Điều này cho thấy sinh viên đã chú ý nhiều hơn đến việc thiết kế slide và sử dụng hình ảnh minh họa để hỗ trợ bài thuyết trình. Trong bối cảnh các lớp học ngày càng tích hợp công nghệ số, việc sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ không chỉ giúp bài thuyết trình trở nên sinh động hơn mà còn góp phần nâng cao khả năng truyền đạt thông tin của người nói.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tiêu chí timing không có sự thay đổi đáng kể giữa hai lần trình bày. Điều này có thể do sinh viên đã được hướng dẫn rõ ràng về thời gian trình bày ngay từ đầu nên ít gặp khó khăn trong việc kiểm soát thời lượng bài nói.

Mặc dù nghiên cứu cho thấy nhiều kết quả tích cực, một số hạn chế vẫn cần được xem xét. Thứ nhất, quy mô mẫu của nghiên cứu tương đối nhỏ và chỉ bao gồm sinh viên từ một lớp học. Do đó, kết quả nghiên cứu có thể chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của toàn bộ sinh viên học tiếng Anh như ngoại ngữ. Thứ hai, thời gian thực hiện nghiên cứu tương đối ngắn nên chưa thể đánh giá được tác động lâu dài của phương pháp này đối với sự phát triển kỹ năng nói. Tuy vậy, nghiên cứu này vẫn cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng cho thấy việc tích hợp video ghi hình và tự đánh giá vào giảng dạy kỹ năng thuyết trình có thể mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên.

2.4. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị có thể được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng thuyết trình tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục đại học.

* Đối với giảng viên

Trước hết, giảng viên nên cân nhắc tích hợp hoạt động ghi hình bài thuyết trình vào các lớp học kỹ năng nói. Việc ghi hình không chỉ giúp giảng viên có thêm nguồn dữ liệu để đánh giá mà còn tạo điều kiện cho sinh viên quan sát và phân tích bài trình bày của chính mình. Tuy nhiên, để hoạt động này đạt hiệu quả cao, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách xem lại video một cách có hệ thống, tập trung vào các tiêu chí cụ thể như nội dung, ngôn ngữ, cách trình bày và tương tác với khán giả. Bên cạnh đó, giảng viên nên xây dựng bảng tiêu chí đánh giá rõ ràng để hỗ trợ quá trình tự đánh giá. Các tiêu chí này cần được thiết kế đơn giản, dễ hiểu nhưng vẫn phản ánh đầy đủ các yếu tố quan trọng của một bài thuyết trình hiệu quả. Khi sinh viên hiểu rõ các tiêu chí đánh giá, họ sẽ có cơ sở cụ thể để phân tích bài trình bày của mình và xác định những điểm cần cải thiện. Ngoài ra, giảng viên cũng nên kết hợp tự đánh giá với peer feedback nhằm tạo ra môi trường học tập tương tác hơn. Việc nhận phản hồi từ bạn học có thể giúp sinh viên có thêm nhiều góc nhìn khác nhau về bài trình bày của mình, từ đó nâng cao khả năng phân tích và phản tư.

* Đối với các cơ sở giáo dục:

Trường Đại học Điện lực nên khuyến khích việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy kỹ năng ngoại ngữ, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ ghi hình và phân tích bài thuyết trình. Trong bối

cảnh chuyển đổi số trong giáo dục, việc tích hợp các nền tảng học tập trực tuyến và các công cụ ghi hình có thể góp phần tạo ra môi trường học tập linh hoạt và hiệu quả hơn. Ngoài ra, trường cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên nhằm nâng cao năng lực sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Khi giảng viên được trang bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức về các công cụ công nghệ, họ sẽ có khả năng thiết kế các hoạt động học tập sáng tạo và phù hợp hơn với nhu cầu của sinh viên. Bên cạnh đó, việc xây dựng các học phần hoặc mô-đun đào tạo về kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh cũng cần được chú trọng hơn trong chương trình đào tạo. Những học phần này không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn hỗ trợ họ chuẩn bị tốt hơn cho môi trường làm việc trong tương lai.

* Đối với nghiên cứu trong tương lai

Mặc dù nghiên cứu này đã cung cấp những bằng chứng ban đầu về hiệu quả của việc sử dụng video ghi hình và tự đánh giá trong giảng dạy kỹ năng thuyết trình, vẫn còn nhiều hướng nghiên cứu có thể được tiếp tục phát triển. Trước hết, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng quy mô mẫu và thực hiện ở nhiều trường đại học khác nhau nhằm tăng tính khái quát của kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, việc so sánh hiệu quả của phương pháp này với các phương pháp giảng dạy khác cũng có thể cung cấp thêm những thông tin hữu ích cho việc thiết kế chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung phân tích sâu hơn tác động của video ghi hình đối với các yếu tố cụ thể của kỹ năng nói như phát âm, ngữ điệu và sự lưu loát. Việc kết hợp các phương pháp phân tích dữ liệu tiên tiến hơn cũng có thể giúp làm rõ hơn cơ chế tác động của phương pháp này đối với quá trình học tập của sinh viên. Cuối cùng, trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của công nghệ giáo dục, các nghiên cứu trong tương lai có thể xem xét việc kết hợp video ghi hình với các công cụ trí tuệ nhân tạo hoặc các nền tảng học tập trực tuyến nhằm tạo ra những hình thức phản hồi tự động và cá nhân hóa cho người học.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng video ghi hình kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong việc cải thiện kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp này có tác động tích cực

đến nhiều khía cạnh của kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là delivery, body language và việc sử dụng phương tiện hỗ trợ. Việc xem lại video bài trình bày giúp sinh viên có cơ hội quan sát một cách khách quan cách họ giao tiếp với khán giả, từ đó nhận ra những hạn chế trong phát âm, ngữ điệu, tốc độ nói và ngôn ngữ cơ thể. Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá đã khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập. Thay vì chỉ phụ thuộc vào phản hồi từ giảng viên, sinh viên có thể chủ động phân tích và đánh giá bài trình bày của mình dựa trên các tiêu chí cụ thể. Điều này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng nói mà còn góp phần phát triển năng lực tự học và khả năng phản

tu trong học tập. Bên cạnh đó, dữ liệu định tính từ các cuộc phỏng vấn cho thấy sinh viên đánh giá cao việc sử dụng video ghi hình trong lớp học kỹ năng nói. Nhiều sinh viên cho rằng hoạt động này giúp họ nhận ra những lỗi mà trước đây họ không nhận thấy khi đang trình bày. Đồng thời, việc quan sát sự tiến bộ của bản thân qua các lần trình bày cũng giúp sinh viên cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh trước đám đông.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy việc tích hợp video ghi hình và tự đánh giá vào quá trình giảng dạy có thể tạo ra một môi trường học tập phản tư, trong đó sinh viên đóng vai trò tích cực hơn trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Al-Issa, A., & Al-Qubtan, R. (2010). Taking the floor: Oral presentations in EFL classrooms. *TESOL Journal*, 1(2), 227–246. <https://doi.org/10.5054/tj.2010.220425>
- Boud, D. (1999). Avoiding the traps: Seeking good practice in the use of tự đánh giá reflection in professional courses. *Social Work Education*, 18(2), 121–132. <https://doi.org/10.1080/02615479911220131>
- Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77–101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>
- Brown, H. D. (2001). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy (2nd ed.)*. Longman.
- Çakir, I. (2006). *The use of video as an audio-visual material in foreign language teaching classroom*. The Turkish Online Journal of Educational Technology, 5(4), 67–72.
- Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (5th ed.)*. Sage Publications.
- Duong, H. T. Q., Van, L. M., & Ngan, H. T. Q. (2025). Use of tự đánh giá video ghi hình to improve students' English presentation skills in a distance learning course. *rEFLECTIONS*, 32(3), 1322–1341.
- Nguyen, T. P. (2024). Video recording in EFL learners' speaking skills development: A literature review. *International Journal of AI in Language Education*, 2(1), 1–14.
- Rahmatillah. (2023). Exploring differences in oral presentation modes: Does video recording really improve students' performances? *Studies in English Language and Education*, 10(2), 850–865.
- Rohdina, N. F., & Priyana, J. (2025). From fear to fluency: Self-recorded video use to improve EFL speaking proficiency. *IDEAS: Journal on English Language Teaching and Learning*, 13(1), 45–59.
- Thornbury, S. (2005). *How to teach speaking*. Longman.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory Into Practice*, 41(2), 64–70. https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2